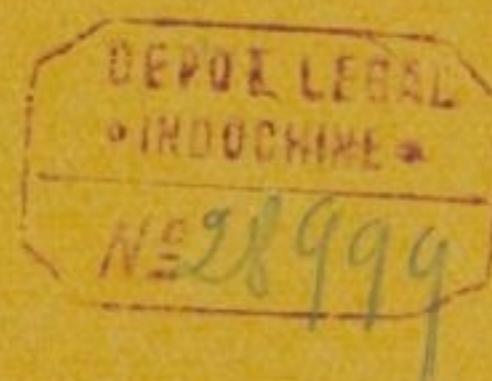
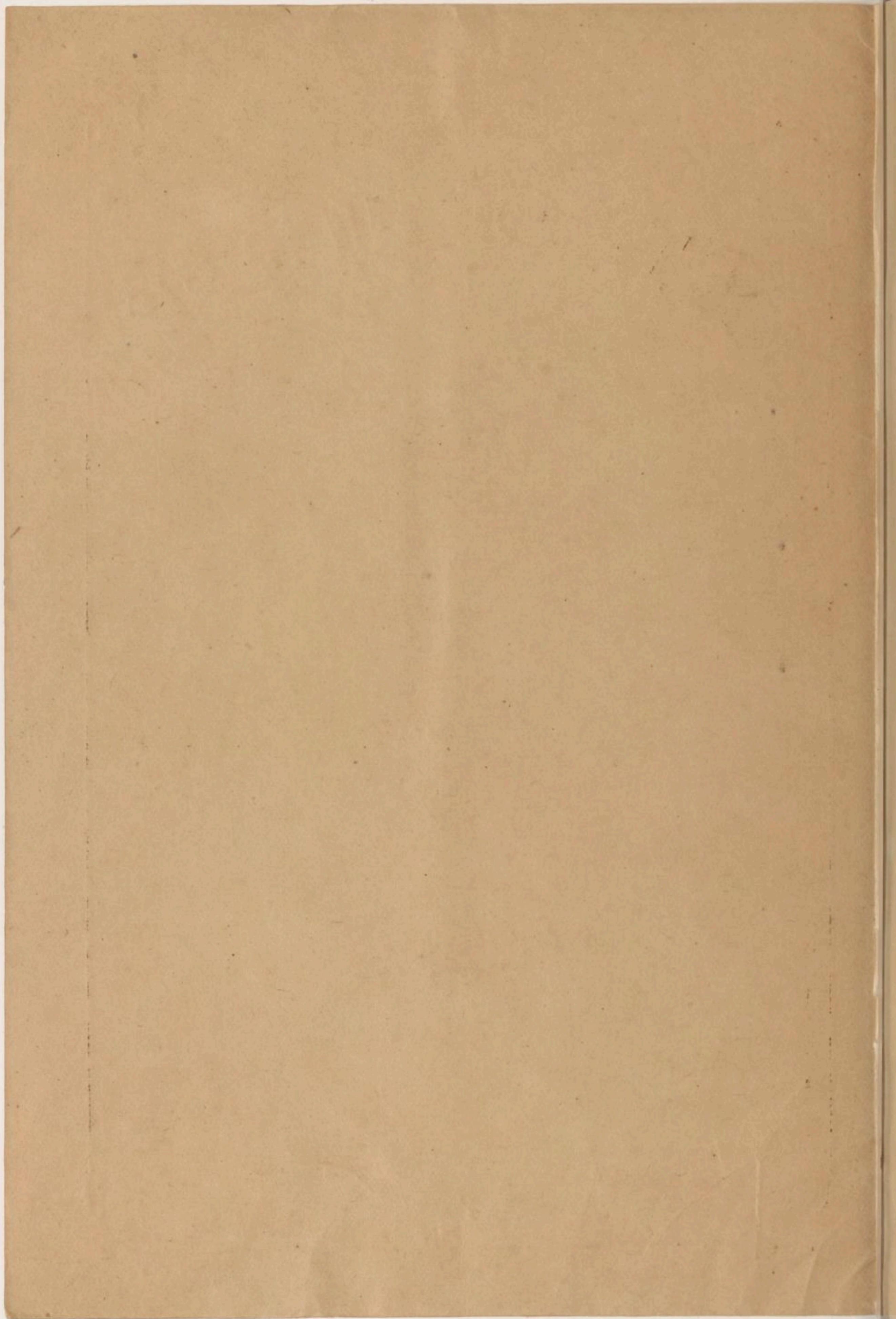


HOÀNG-TỘC LƯỢC BIỂU

皇族略編



8^e Indochine
Pièce 4193



Ngày 21 tháng Giêng năm Kỷ Hợi
(22/2/1949)

Thống Chánh Thủ

Đại Lãnh

Đại sứ

Thống đốc

Thống đốc Tỉnh

Thống đốc

Ngày 22 September 1949, chúng tôi đã có được
lịch HỘ KHẨU SỰ NGHĨA LÃM QUYỀN "CONSTITUTION DE
LA RÉPUBLIQUE D'ANAM" của chính phủ
nào và đã được thông tin. Điều này bao gồm
công bố tại деревне HUANG DE. Biên bản văn kiện
quyền này có thể đọc bằng tiếng Anh, tiếng Phổ Thống.

Nay chúng tôi xin lập biên quyển "HỘ KHẨU TỘC
LỊCH VIỆN" này. Môđun công đồng này quyển
"CONSTITUTION DE LA RÉPUBLIQUE IMPÉRIALE D'ANAM"
mà dịch ra như trong Hộ khẩu sẽ nem công và
tôi báo ngay sau. Ông bà tôi xác định đây là
thông báo cách nát nát của Hà Nội thành phố
thị trấn để được xác nhận.

Vậy lập đồng minh với các Ngành và Phái
tập pháp ban bố cho Hộ khẩu TỘC LỊCH

Nguyễn Văn

Khoa Nhập Cảnh Bộ Phái Thành
Tỉnh Lai Châu

Chủ Quán Vен Đường, Huỳnh Chiếu Đắng sưu tầm.

Ngày 21, tháng Giêng, năm Bảo-Đại thứ 18

(Le 25 Février 1943)

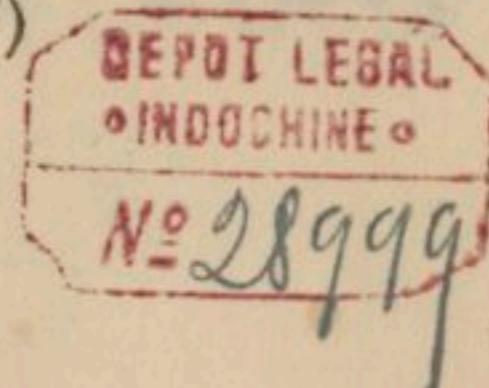
Phụng Cháu Phê

“Chuẩn Y”

B. B.

Khâm thử

KÍNH TÂU:



Ngày 1er Septembre 1942, chúng tôi đã có đăng
lên HOÀNG ĐẾ Ngự Lâm quyền “CONSTITUTION DE
LA FAMILLE IMPÉRIALE D’ANNAM” của chúng tôi
soạn và đã được HOÀNG ĐẾ Chuẩn cho ban bố. Nhưng
chúng tôi lại được HOÀNG ĐẾ Diện Sắc răn, nên dịch
quyền sách ấy ra Quốc-Ngữ cho tiện phổ thông.

Nay chúng tôi tuân soạn quyền “HOÀNG TỘC
LUẬC BIÊN” này, nội-dung cũng giống như quyền
“CONSTITUTION DE LA FAMILLE IMPÉRIALE D’ANNAM”
mục đích để cho trong Hoàng Tộc ai xem cũng có
thể hiểu ngay được. Chúng tôi lại nhân dịp này xin
thêm vào cách đặt tên của Hệ Nhứt Chánh và thế
thứ tập túc để được đầy đủ hơn.

Vậy kính dâng lên HOÀNG ĐẾ Ngự Lâm để có
được phép ban bố cho trong Hoàng Tộc xem.

Nay kính tâu.

Kiêm Nhiếp Tòn Nhơn Phủ Đại Thần
Thần TÔN-THẤT-CỒN

Ngày 21, thành Giang 州-Giáo-Đô-thị trấn 18

(Tết 22 Tháng Giêng 1841)

GESOUL-VERGEL

•MURDOCHINE•

PPPLS

KỊNH THÁU:

Nhà Tự là Sembawang 1841, có ngày
nhà Hộ Tự DE NÉA LÉM dulu "CONSTITUTION DE
LA EMPIRE IMPÉRIALE D'ANNAI" cós chung với
sosu và là nhà HỘ TỰ DE COPENHAGEN cós sau đó
chung với là nhà HỘ TỰ DE DICO SZE-TSA, nêu trên
doléon sáu kỵ là Ông-Ông cós tên kỵ

Nhà chung với tên sau đây là "HỘ TỰ"
TUC BUNA, nhà, tên-kỵ cós tên dulu
"CONSTITUTION DE LA EMPIRE IMPÉRIALE D'ANNAI",
một điều này cós tên HỘ TỰ là tên kỵ có
tên kỵ là nhà kỵ cós tên HỘ TỰ là tên kỵ
tên kỵ tên kỵ là Ông-Ông

Nhà kỵ tên kỵ là nhà kỵ là Ông-Ông

nhà kỵ tên kỵ là Ông-Ông

Nhà kỵ tên kỵ là Ông-Ông

Nhà kỵ tên kỵ là Ông-Ông

Tuy là Ông-Ông

HOANG TOC LUOC BIEN

NGUYỄN QUÁN

Bản Triều quán ở làng Gia-Miêu-Ngoại-Trang, tổng Thượng Bàn, huyện Tống-Sơn, phủ Hà-Trung, tỉnh Thanh-Hóa. Đến Triều vua Gia-Long (1803), chữ Gia-Miêu-Ngoại-Trang đổi thành Quý Hương, và Tống-Sơn đổi thành Quý-Huyện.

Ngày trước, Triều Nguyễn chúng ta nguyên là họ NGUYỄN VĂN. Xem như ngài Trừng-Quốc-Công, thân sinh ra đức Triệu-Tồ-Tịnh Hoàng-Đế (Nguyễn - Kim), húy là Nguyễn-văn-Lưu thì đủ rõ.

Đến Triều vua Minh-Mạng (1823) lại phân biệt ra Tôn-Thất NGUYỄN PHƯỚC và Công-Tánh NGUYỄN HỮU, Tôn-Thất Nguyễn Phước là những người đã đi theo đức Nguyễn-Hoàng trong lúc ngài vào trấn thủ ở phương Nam. Còn những kẻ ở lại ngoài Bắc đều lấy họ Công-Tánh Nguyễn Hữu. Hiện bây giờ người ta chỉ đề hoặc Tôn-Thất hoặc Nguyễn-Hữu mà thôi. Ví dụ: Tôn-Thất-Mỗ, Nguyễn-hữu-Mỗ 尊室某阮祐某.

Cách lựa tên của các vị Chúa và các vị Vua

Tên các vị vua Tiền Triều đều dùng bộ Thủy (水), từ đời đức Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế dùng cả bộ Nhật (日) và bộ Thủy (水), và Triều Gia-Long trở về sau mới chuyên dùng bộ Nhật (日).

Năm 1823, vua Minh-Mạng có lựa sẵn hai mươi chữ (tất bộ Nhật) để đặt tên cho các vị vua kế-thống sau này.

Ngài lại làm một bài thơ « Ngũ Chế Mạng Danh Thi » gồm có 20 bộ, các triều vua sau cứ noi theo thể thứ mà đặt tên các Hoàng-Tử :

MIÊN	NHƠN	KÝ	SƠN	NGỌC
𠂔	𠂊	𠂔	山	玉
PHỤ	NHƠN	NGÔN	TÀI	HỎA
阜	𠂊	言	才	禾
BỐI	LỰC	TÀI	NGÔN	TÂM
貝	力	才	言	心
NGỌC	THẠCH	HỎA	HỎA	TIỀU
玉 石 火 禾 小				

Tên các vị Hoàng-Tử con vua Minh-Mạng đều dùng bộ Miên (𠂔), còn vua Thiệu-Trị bộ Nhơn (𠂊), đến đức Đồng-Cung Hoàng Thái-Tử Bảo-Long là bộ Phụ (阜) (bộ thứ sáu của bài ấy).

Cách đặt tên và chữ lót trong các HỆ Chánh

Các nhánh của các Hoàng-Tử anh em cùng đức Minh Mạng đều theo mười bài PHIÊN-HỆ-THI mà đặt chữ lót và đặt tên theo lối « Ngũ-Hành Tương-Sanh » (THỒ, KIM, THỦY, MỘC, HỎA). Bắt đầu từ bộ Thồ đi lần xuống đến bộ Hỏa, lại trở lên bộ Thồ.

Đức Gia-Long sanh hạ được 13 vị Hoàng-Tử, trừ ba vị tảo-thương, còn mười vị, mỗi vị đều có một bài thơ riêng gọi là PHIÊN-HỆ-THI.

MƯỜI BÀI PHIÊN - HỆ - THI :

I. - Ngài Tăng-Duệ Hoàng Thái-Tử

(Hoàng trưởng-lử của Đức Gia-Long)

MỸ	DUỆ	TĂNG	CƯỜNG	TRÁNG	} 32 người
美	辱	增	彊	壯	
LIỀN	HUY	PHÁT	BỘI	HƯƠNG	
聰	輝	發	佩	香	
LỊNH	NGHI	HÀM	TỐN	THUẬN	
令	儀	咸	巽	順	
VÝ	VỌNG	BIỂU	KHÔN	QUANG	
偉	望	表	坤	光	

II. - Ngài Kiến-An-Vương

(Hoàng đế-ngủ-lử của Đức Gia-Long)

LƯƠNG	KIẾN	NINH	HÒA	THUẬT	} 46 người
良	建	寧	和	術	
DU	HÀNH	SUẤT	NGHĨA	PHƯƠNG	
攸	行	率	義	方	
ĐƯỜNG	DI	TƯƠNG	THÚC	HẢO	
養	怡	相	式	好	
CAO	TÚC	THÈ	VI	TƯỜNG	
高	宿	彩	爲	祥	

III. — Ngài Định Viễn Quận Vương

(Hoàng đế lục tử của Đức Gia-Long)

TỊNH	HOÀI	CHIỀM	VIỄN	ÁI	} 183 Người
靖	懷	瞻	遠	愛	
CANH	NGƯỜNG	MẬU	THANH	KHA	
景	仰	茂	清	珂	
NGHIỀM KHÁC	DO	TRUNG	ĐẠT		
儼	恪	由	衷	達	
LIÈN	TRUNG	TẬP	CÁT	ĐA	
連	忠	集	吉	多	

IV. — Ngài Diên Khánh Vương

(Hoàng đế thất tử của Đức Gia-Long)

DIÊN	EÔI	PHONG	HANH	HIỆP	} 39 Người
延	會	豐	亨	合	
TRÙNG	PHÙNG	TUẤN	LÂNG	NGHĨ	
重	逢	雋	朗	宜	
HÂU	LUU	THÀNH	TÚ	DIỆU	
厚	留	成	秀	妙	
DIỄN	KHÁNH	THÍCH	PHƯƠNG	HUY	
衍	慶	適	芳	徽	

V. — Ngài Điện Bàn Công

(Hoàng đế báu tử của Đức Gia-Long)

TÍN	ĐIỆN	TƯ	DUY	CHÁNH	} 8 người
信	奠	思	維	正	
THÀNH	TỒN	LỢI	THỎA	TRINH	} 8 người
誠	存	利	妥	貞	
TÚC	CUNG	THÙA	HỮU	NGHI	} 8 người
肅	恭	承	友	誼	
VỊNH	HIỄN	TẬP	KHANH	DANH	} 8 người
榮	顯	襲	卿	名	

VI. — Ngài Thiệu Hòa Quận Vương

(Hoàng đế cữu tử của Đức Gia-Long)

THIỆN	THIỆU	KỲ	TUẦN	LÝ	} 18 người
善	紹	期	循	理	
VĂN	TRI	TẠI	MÃN	DU	} 18 người
聞	知	在	敏	猷	
NGUNG	LÂN	TÀI	CHÍ	LẠC	} 18 người
凝	麟	才	至	樂	
ĐỊCH	ĐẠO	DOẢN	PHỦ	HƯỚU	} 18 người
廸	道	先	孚	休	

VII. — Ngài Quảng Oai Công

(Hoàng đế thập tử của Đức Gia-Long)

PHƯNG PHÙ TRUNG KHẢI QUĀNG

鳳 符 徵 啓 廣

KIM NGỌC TRÁC TIÊU KỲ

金 王 卓 標 奇

DIỀN HỌC KỲ GIA CHÍ

典 學 期 加 志

DÒN DI KHẮC TỰ TRÌ

敦 尋 克 自 持

{ Không
có người

VIII. — Ngài Thường Tin Quận Vương

(Hoàng thập nhứt tử của Đức Gia-long)

THƯỜNG CÁC TUÂN GIA HUẤN

常 吉 遵 家 訓

LÂM TRẠNG TÚY THẠNH CUNG

臨 莊 淚 盛 躬

THẬN TE DI TẤN DỨC

慎 修 彌 進 德

THỢ ÍCH MÂU TÂN CÔNG

受 益 懈 新 功

{ 8 Người

IX. — Ngài An Khanh Vương

(Hoàng thập nhị tử của Đức Gia-Long)

KHÂM	TÙNG	XUNG	Ý	PHẠM	} 9 Người
欽	從	稱	懿	範	
NHÃ	CHÁNH	THỦY	HOÀNG	QUI	
雅	正	始	弘	規	
KHẢI	ĐỀ	DÂNG	CẦN	DỰ	
愷	悌	騰	勤	譽	
QUYẾN	NINH	CỘNG	TRẤP	HY	
脊	寧	共	緝	熙	

X. — Ngài Tử Sơn Công

(Hoàng thập tam tử của Đức Gia-Long)

TÙ	THÈ	DUONG	QUỲNH	CẨM	} 79 Người
慈	采	揚	琼	錦	
PHU	VĂN	ÁI	DIỆU	DUONG	
敷	文	藹	耀	陽	
BÁCH	CHI	QUÂN	PHU	ĐỨC	
百	支	均	輔	翼	
VĂN	DIỄP	HIỆU	KHUÔN	TƯƠNG	
萬	葉	效	匡	襄	

Các nhánh của các Hoàng-tử con Đức Minh-Mạng đặt chũ lót theo bài Đế Hé Thi và đặt tên theo mỗi nhánh mỗi bộ, hoặc Mộc (木), Thủy (水), Mịch (糸) vân. vân. . .

Bài Đế Hé Thi:

MIỀN HƯỜNG ƯNG BƯU VĨNH
綿 洪 膚 寶 永 } 2.200
BẢO QUÍ ĐỊNH LONG TRƯỜNG } người

保 貴 定 隆 長

HIỀN NĂNG KHAM KẾ THUẬT

賢 能 堪 繼 述

THẾ THOẠI QUỐC GIA XƯƠNG

世 瑞 國 嘉 昌

Nhờ có các bài thơ Đế Hé và Phiên Hé, Hoàng Phái mới dễ phân biệt thể thứ. Ví dụ các chũ MY, LUONG, TINH, DIEN . . . thi đổi ngang với chũ MIEN.

Ngày nay trong Hoàng Tộc, về các Hé Chánh, đã đặt tên xuống đến chũ thứ sáu hoặc thứ bảy.

Cách đặt chũ lót trên này là chỉ để dùng cho phái đàn ông mà thôi, còn đàn bà thì khác hẳn. Con các vị vua phần nhiều đặt tên đôi. Trước chũ tên chỉ thêm vào hai chũ CÔNG-CHÚA. Con các vị Hoàng-Tử gọi là CÔNG NỮ THỊ, cháu gọi là CÔNG TÔN NỮ THỊ, CÔNG HUYỀN TÔN NỮ THỊ v. v... Ba chũ TÔN NỮ THỊ dùng chỉ các cô thuộc về các Hé TÔN THẤT.

HỆ VÀ PHÒNG

Trong Hoàng Tộc chia ra thành từng phòng, từng hệ. Một Hệ gồm có nhiều hay ít Phòng là tùy theo vị Chúa hay vị Vua ấy sinh hạ nhiều hay ít Hoàng-Tử. Mỗi vị Vua hoặc Chúa mở ra một Hệ, mỗi ông Hoàng mở ra một Phòng.

CÁC HỆ TÔN THẤT

Hệ Nhứt

Đức Triệu Tô Tịnh Hoàng Đế đã khai sáng ra Nguyễn Triệu ta và lập thành Hệ Nhứt.

Ngài húy NGUYỄN-KIM, sanh năm 1468, mất năm 1545. Ngài sinh hạ được hai vị Hoàng-Tử: Tả Tướng Lãng Quận Công Nguyễn-Uông, Đức Thái Tô Gia Dủ Hoàng-Đế Nguyễn-Hoàng và Công Chúa Ngọc-Bửu.

Lăng của ngài tên gọi là Trường-Nguyễn, táng ở núi Triệu Tường, thuộc làng Quí-Hương, huyện Quí-Huyện, tỉnh Thanh-Hóa. Lăng của Đức Bà cũng táng gần đó.

Đức Triệu-Tô Tịnh-Hoàng-Đế và bà Nguyễn-Phối đều thờ tại Triệu-Miếu trong Kinh-Thành nội. Nhà thờ ngài Tả Tướng Lãng Quận Công tọa lạc gần Long-Thọ (làng Dương-Xuân) Huế.

Hiện nay, kể về đàn ông, Hệ Nhứt được 320 người.

Hệ Nhì

Hệ Nhì là hệ của đức Thái-Tô Gia Dủ Hoàng-Đế.

Đức Thái-Tô Gia Dủ Hoàng-Đế sanh năm 1525 mất năm 1613. Năm 1558 ngài vào trấn thủ ở Thuận-Hóa.

Ngài có mươi vị Hoàng-Tử : 1. — Thái-Bảo Hòa-Quận-Công, 2. — Hoàng-Tử-Hán, Hoàng-Tử-Thành, 4. — Hào Quận-Công, 5. — Hoàng-Tử-Hải, 6. — Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế, 7. — Hoàng-Tử-Hiệp, 8. — Hoàng-Tử-Trạch, 9. — Hoàng-Tử-Dương, 10. — Nghĩa-Hưng Quận-Vương và hai bà Công-Chúa Ngọc-Tiên và Ngọc-Tú.

Vì can quắc chánh, nên Hoàng-Tử-Hiệp và Hoàng-Tử-Trạch bị tước tịch. Con cháu về sau đều lấy họ Nguyễn-Thận 阮順.

Đức Thái-Tồ Gia-Dủ Hoàng-Đế đem mấy người cháu nội là ông Hắc, ông Vĩnh (con Hoàng-Tử-Hán) ông Nghiêm, ông Long, ông Cương, ông Chất (con Hoàng-Tử-Hải) gởi cho vua Lê để làm tin. Mấy ông này về sau đã lập lên họ NGUYỄN-HƯÚT 阮祚. Lăng Đức Thái-Tồ Gia Dủ Hoàng-Đế gọi là Trường-Cơ, ở làng La-Khê, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên. Lăng Đức Bà táng tại làng Hải-Cát cùng thuộc huyện Hương-Trà.

Ngài và Bà đều thờ tại Chánh Án trong Thái-Miếu (Kinh Thánh Nội).

Hệ Nhì có ba Phòng, nam 270 người. Mỗi Phòng đều có nhà thờ riêng. Nhà thờ ngài Hòa-Quận-Công và Hào-Quận-Công đều tại làng Dương-Xuân-Hạ, tổng Cư-Chánh, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Nhà thờ ngài Nghĩa-Hưng Quận-Vương ở làng Phố-Nam, tổng Dương-Nô, huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên.

Hệ Ba

Hệ Ba là hệ Đức Hy-Tôn-Hiếu-Văn Hoàng-Đế.

Ngài sanh năm 1563, mất năm 1635. Ngài đã đổi họ NGUYỄN-VĂN thành NGUYỄN-PHUỚC. Ngài sanh hạ 11 vị Hoàng nam : 1. — Khánh-Quận-Công, 2. — Đức Thần-Tôn-Hiếu Chiêu-Hoàng-Đế, 3. — Hoàng-tử-Anh, 4. — Hoàng-tử-Trung,

5. — Hoàng-tử-An, 6. — Hoàng-tử-Vĩnh, 7. — Hoàng-tử-Lộc,
8. — Hoàng-tử-Tú, 9. — Hoàng-tử-Thiệu, 10. — Vĩnh-Quận-
Công, 11. — Hoàng-tử-Dôn, Bốn Hoàng nǚ: Ngọc Liên, Ngọc-
Vạn, Ngọc-Khoa, Ngọc-Dinh.

Ngọc-Liên hạ giá cùng phò-mả Nguyễn-phước-Vĩnh, con
của Mạc-cảnh-Uông. Nguyễn-phước-Vĩnh lập ra họ NGUYỄN-
HỮU 阮有.

Ngọc-Dinh Công-Chúa kết duyên cùng Nguyễn-cửu-Kiều
người sáng lập ra họ NGUYỄN-CƯU 阮久.

Lăng Trường-Diễn, tức lăng của Đức Hy-Tôn-Hiếu-Văn
Hoàng-Đế, tảng tại làng Hải-Cát, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-
Thiên. Lăng của Đức Bà (Vĩnh-Diễn) hiện ở làng Chiêm-Sơn,
huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Án Tả Nhứt.

Trong các vị Hoàng-tử con Đức Hy-Tôn-Hiếu-Văn Hoàng-
Đế, Hoàng-tử-Anh và Hoàng-tử-Trung, vì can quắc sự nên
bị tước tịch.

Hệ Ba hiện có hai Phòng, nam được 340 người. Mỗi
Phòng có nhà thờ riêng. Nhà thờ ngài Khánh-Quận-Công ở
làng Dương-Nô, nhà thờ ngài Vinh-Quận-Công ở làng Ngọc-Anh,
cả hai nhà thờ đều thuộc huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên.

Hệ Tư

Hệ Tư là hệ của Đức Thần-Tôn-Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế

Ngài sanh năm 1601, mất năm 1648. Ngài sanh bà ba
Hoàng-tử: 1. — Hoàng-tử-Võ, 2. — Đức Thái-Tôn-Hiếu-Triết
Hoàng-Đế, 3. — Hoàng-tử-Quỳnh và một bà Công-Chúa (danh
tự thất tường).

Lăng ngài Thần-Tòn-Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế gọi là Trường-Diên, táng tại làng An-Bàng, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên Lăng của Đức bà tên gọi Vĩnh-Diên, ở làng Chiêm-Sơn, huyện Duy-Xuyên, tỉnh Quảng-Nam. Đức Thần-Tòn-Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế và bà Nguyên-Phối đều thờ tại Thái-Miếu, Án Hưu Nứt.

Hoàng-tử-Võ và Hoàng-tử-Quỳnh mất sớm, thành vô tự, vì thế nên hệ tư không có.

Hệ Năm

Đức Thái-Tòn-Hiếu-Triết Hoàng-Đế khai sáng ra Hệ Năm. Ngài sanh năm 1620, mất năm 1687, sanh hạ được sáu Hoàng-tử : 1. — Phước-Quốc-Công, 2. — Anh-Tòn-Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế, 3. — Cương-Quận-Công, 4. — Quốc-Oai-Công, 5. — Hoàng-tử-Niên, 6. — Hoàng-tử-Nhiêu và ba Hoàng nữ : Công-Chúa Ngọc-Tào và hai bà thất tòng.

Lăng Đức Thái-Tòn-Hiếu-Triết Hoàng-Đế (Trường-Hưng), ở làng Hải-Cát, huyện Hương-Trà tỉnh Thừa-Thiên. Lăng của Đức Bà (Vĩnh-Hưng) ở làng An-Ninh, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên. Ngài lại còn một bà thứ hai nữa, táng tại làng Quang-Hưng ở làng Định-Môn huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên.

Ngài và hai bà đều thờ tại Thái-Miếu, Tả nhị án.

Hệ năm hiện có ba phòng nam 300 người. Ba nhà thờ : nhà thờ ngài Phước-Quận-Công ở làng La-Ý, tổng Dương-Nô nhà thờ ngài Cương-Quận-Công ở làng Lại Thể, tổng Ngọc-Anh. Hai nhà thờ này đều ở huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên. Nhà thờ ngài Quốc-Oai-Công ở làng Văn-Thê, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên.

Hệ sáu

Ngài Anh-Tôn-Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế sanh năm 1649, mất năm 1691, Ngài sanh-hạ năm Hoàng-tử. 1.— Đức Hiền-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế, 2.— Hoàng-tử Tuần, 3.— Hoàng-tử Toàn, 4.— Hoàng-tử Trinh, 5.— Hoàng-tử Quảng và các bà Công-chúa: Ngọc-Nhiệm, Ngọc-Niếu và 2 bà nőa tên tuổi không rõ.

Lăng đức Anh-Tôn-Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế (Trường-Mậu), ở làng Kim-ngọc, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Lăng của Đức Bà (Vĩnh-Mậu) ở làng Định-môn, huyện Hương-trà.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Hữu nhị án.

Ngoài Đức Hiền-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế ra, các vị Hoàng-tử khác đều vô tự cả, nên không có hệ sáu.

Hệ bảy

Hệ bảy là Hệ của Đức Hiền-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế. Ngài sanh năm 1675, mất năm 1725, sanh-hạ 38 Hoàng-tử, và 4 Hoàng-nữ. 1.— Đức Túc-Tôn-Hiếu-Ninh Hoàng-Đế, 2.— Hoàng-tử Thể, 3.— Không rõ, 4.— Hoàng-tử Long, 5.— Hoàng-tử Hải, 6.— Không rõ, 7.— Hoàng-tử Liêm, 8.— Luân-quốc Công, 9.— Hoàng-tử Thủ, 10.— Hoàng-tử Lân, 11.— Hoàng-tử Chấn, 12.— Nhân-quốc Công, 13.— Hoàng-tử Đàng, 14.— Hoàng-tử Thiện, 15.— Hoàng-tử Khánh, 16.— Hoàng-tử Cảo, 17.— Hoàng-tử Bình, 18.— Chưởng-cơ Quận-Công, 19.— Chưởng-vệ Quận-Công, 20.— Hoàng-tử Khảm 21.— Hoàng-tử Quân, 22.— Hoàng-tử-Luân, 23.— Hoàng-tử Bình, 24.— Hoàng-tử Tôn, 25.— Hoàng-tử Nghiêm, 26.— Hoàng-tử Hưng, 27.— Thiếu-bảo Thạnh Quận-công, 28.— Hoàng-tử Hao, 29.— Hoàng-tử Kỷ, 30.— Hoàng-

tử Thuyên, 31.— Hoàng-tử Hanh, 32.— Hoàng-tử Lộc, 33.— Hoàng-tử Triêm, 34.— Hoàng-tử Khiêm, 35, 36.— Không rõ, 37.— Hoàng-tử Đô, 38.— Hoàng-tử Tài và các bà Chúa : Ngọc-Sang, Ngọc-Phụng, Ngọc-Nhật và một bà không rõ.

Lăng Đức Hiển-Tôn-Hiếu-Minh Hoàng-Đế (Trường-Thanh) ở tại làng Kim-ngọc, làng của Đức Bà (Vĩnh-Thanh) ở làng Trúc-làm, hai làng này đều thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Tả tam án.

Hệ Bảy hiện có 27 Phòng, nam được 1.420 người.

Mỗi Phòng đều có nhà thờ riêng và đều ở tỉnh Thừa-thiên, trong các huyện Phú-lộc, Hương-trà, Hương-thủy. Ở Tôn-thất xã, tổng An-nông, có nhà thờ ngài Hoàng Nhị-tử ; cũng trong tổng ấy, ở làng Xuân-lai có nhà thờ ngài Hoàng Nhị-thập-nhứt-tử. Nhà thờ ngài Hoàng Thập-ngũ-tử, ngài Hoàng Tam-thập-tử ở làng Vinh-hòa, ngài Hoàng tam-thập-tam-tử ở làng Phú-an cũng đều tại tổng Diêm-trường.

Các ngài Hoàng Tứ-tử, Ngũ-tử, Thập-nhị, Thập-lục, Nhị-thập-ngũ, Nhị-thập-lục-tử đều thờ tại làng An-cựu, tổng An-cựu ; ngài Hoàng Cửu-tử có nhà thờ tại làng Lương-quán, tổng Cư-chánh ; ngài Hoàng Nhị-thập-tử thờ tại làng Bằng-lâng, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy.

Ở Huyện Hương-trà thì có nhà thờ các ngài : Hoàng thập-Tử, Hoàng Thập-thất, Thập-bát, Nhị-thập-nhị, Nhị-thập-thất, Tam-thập-nhị, Tam-thập-thất-tử đều tại làng Phú-xuân, tổng Phú-xuân ; các ngài Hoàng Thất-tử, Hoàng thập-nhứt-tử nhà thờ ở làng Định-môn, Tổng Long-hồ, Ngài Hoàng Bát-tử nhà thờ ở làng Hương-cần, tổng Hương-cần ngài Hoàng Thập-tam-tử nhà thờ ở làng Vạn-xuân, tổng An-ninh, ngài Hoàng Thập-cửu-tử nhà thờ ở làng La-chử, tổng Long-Hồ, nhà thờ ngài Hoàng Nhị-thập-tam-tử ở làng An-vàn và nhà thờ ngài Hoàng Nhị-thập-cửu-tử ở làng Long-hồ cũng trong tổng An-ninh.

Hệ tám

Đức Túc-Tôn-Hiếu-Ninh Hoàng-Đế khai-sáng ra Hệ tám. Ngài sanh năm 1696, mất năm 1728, sau hả ba Hoàng-tử : 1.— Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế, 2.— Thiếu-Bảo Nghiêm Quận-công, 3.— Tường-Quan-Hầu, và các bà chúa : Ngọc-Sách Ngọc-Doãn, Ngọc-Biện, Ngọc-Uyên và một bà không rõ.

Lăng của ngài Túc-Tôn-Hiếu-Ninh Hoàng-Đế tên gọi Trường-Phong, ở làng Định-mòn, lăng của Đức-Bà (Vinh-Phong) ở làng Long-Hồ, đều thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Ngài và Bà đều thờ tại Thái-Miếu, Hữu tam án.

Hệ tám chỉ có hai phòng, đàn ông được 94 người. Nhà thờ ngài Thiếu-Bảo Nghiêm Quận-công thờ tại làng An-ninh-thượng, tổng An-ninh, huyện Hương-trà nhà thờ ngài Tường-quan Hầu thờ tại làng Dương-xuân-thượng, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy, tỉnh thừa-thiên.

Hệ chín

Hệ chín là Hệ của Đức Thế-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế. Ngài sanh năm 1714, mất năm 1765. Ngài có 18 Hoàng-tử : 1.— Hoàng-tử Chương, 2.— Đức Hưng-Ích-Hiếu-Khương Hoàng-Đế, 3.— Hoàng-tử Mão, 4.— Thành Quận Công, 5.— Hoàng-tử Dục, 6.— Hoàng-tử Địc, 7.— Hoàng-tử Kính, 8.— Hoàng-tử Bản, 9.— Tuyên-Vương, 10.— Hoàng-tử Yến, 11.— Hoàng-tử Tuấn, 12.— Hoàng-tử Khoán, 13.— Hoàng tử Đản, 14.— Hoàng tử Quyền, 15.— Hoàng tử Diệu, 16.— Đức Duệ-Tôn-Hiếu-Định Hoàng-Đế, 17.— Hoàng-tử xuân, 18.— Phuộc-long công, và các bà Chúa : Ngọc-Huyền, Ngọc-Nguyễn, Ngọc-Thành, Ngọc-Ái, Ngọc-Nguyệt, Ngọc-Cư, Ngọc-Thọ, Ngọc-Xuyến, Ngọc-Diệu, và Ngọc-Co.

Lăng của Đức-1 hệ-Tôn-Hiếu-Võ Hoàng-Đế tên gọi Trường-Thái tán ở làng La-Khè, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-Thiên ; lăng của Đức Bà tên gọi Vĩnh-Thái tán ở làng Dương-xuân, huyện Hương-thủy, tỉnh thừa thiên.

Đức Thể-Tôn-Hiếu Vô Hoàng-Đế và Đức-Bà đều thờ tại
Thái-Miếu, Tả tú án.

Hệ chín có 7 phòng, nhân số nam được 350 người.

Nhà thờ ngài Hoàng lục tử và Hoàng-Thập-thất-tử đều
tọa-lạc tại làng Dương-xuân, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy;
ngài Hoàng Tam-tử nhà thờ tại làng Long-hồ, tổng An-ninh,
huyện Hương-trà, ngài Hoàng Tứ-tử nhà thờ tại làng Phổ-trung,
huyện Phú-vang, ngài Hoàng Thất-tử nhà thờ tại làng Xuân-
lai, tổng An-nông, huyện Phú-lộc, ngài Hoàng Thập-tử nhà thờ
tại làng Dương-phẩm, tổng An-cựu, huyện-Hương-thủy, ngài
Hoàng Thập-bát-tử nhà thờ ở làng Công-luong, tổng An-cựu,
huyện Hương-thủy tỉnh Thừa-Thiên.

Đến Hệ Chín thì vừa hết các hệ Tôn-Thất.

Hai vị Hoàng-tử con Đức Thể-Tôn-Hiếu-Vô Hoàng-Đế là
Đức Duệ-Tôn-Hiếu-Định Hoàng-Đế và Đức Hưng-Tồ-Hiếu-Khuong
Hoàng-Đế. Đáng lẽ hai ngài này đều có khai sáng mỗi ngài
một Hệ riêng, nhưng vì Đức Duệ-Tôn lại chỉ sanh được một
bà Chúa, còn Đức Hiếu-Khuong, ngoài Đức Thể-Tồ-Cao
Hoàng-Đế khai sáng hệ Nhứt Chánh, thì không còn vị
Hoàng-Tử nào nữa.

Lăng Đức Duệ-Tôn Hiếu-Định Hoàng-Đế (Trường Thiệu)
ở tại làng La-Khê, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, còn
lăng Đức Bà vì lâu ngày thất lạc nên hiện không biết ở đâu.

Đức Duệ-Tôn-Hiếu-Định Hoàng-Đế và Bà đều thờ tại
Thái-Miếu Hữu tú án.

Lăng Đức Hưng-Tồ-Hiếu-Khuong Hoàng-Đế (Cơ-Thánh)
tán tại làng Cư-Chánh, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên,
lăng của Đức bà Thoại-Thánh) ở làng Định-Môn, huyện Hương-
Trà. Ngài và Bà đều thờ ở Hưng-Miếu tại Kinh Thành nội.
Cả thảy 9 Hệ, trừ hệ tư và hệ sáu, vì vô tự, nên hiện chỉ còn 7 Hệ
mà thôi. Theo bản tổng kê kỳ tháng hai năm 1942 các hệ
Tôn-Thất gồm có nam 3.100 và nữ 2.800 người.

CÁC HỆ CHÁNH

Các Hệ từ Triều Gia-Long trở về sau đều
được gọi là **HỆ CHÁNH** để phân biệt với
các **HỆ TÔN THUẤT** của các Triều trước.

HỆ NHÚT CHÁNH

Hệ Nhứt Chánh là hệ của các vị Hoàng-Tử con Đức
Thế-Tổ-Cao-Hoàng-Đế (Gia-Long)

Vua Gia-Long sinh năm 1762, mất năm 1819. Sau khi
đã bình định nước Việt-Nam, ngài tức Hoàng-Đế vị năm
1802 và khai sáng ra Nguyễn-Triều.

Ngài có 13 vị Hoàng-tử và 18 vị Hoàng-nữ.

Hoàng-Tử : 1 — Đông-Cung Nguyên-Soái Tăng-Duệ Hoàng-
Thái-Tử, 2 — Thuận-An-Công, 3 — Hoàng-tử-Tuấn, 4 — Thành-
Tồ-Nhơn-Hoàng Đế (Minh-Mạng), 5 — Kiến-An-Vương, 6 — Định-
Viễn-Quận-Vương, 7 — Diên-Khánh-Vương, 8 — Điện-Bàng Công
9 — Thiệu-Hóa Quận-Vương, 10 — Quản Oai-Công, 11 — Thường-
Tín Quận-Vương, 12 — An-Khánh Quận-Vương, 13 — Từ-Sơn-
Công.

Lăng của ngài là lăng Thiên-Thọ, không mấy người
không biết, thuộc địa phận làng Định-Môn, huyện Hương-trà,
tỉnh Thừa-Thiên. Lăng bà Thừa-Thiên Cao Hoàng Hậu và bà
Thuận Chiên Cao Hoàng Hậu, nguyên phổi và đệ nhị phổi của
ngài cũng đều táng tại vùng ấy cũ.

Ngài và hai bà đều thờ tại Chánh án Thế Miếu và tại
Chánh án điện Phụng tiên ở Kinh Thành nội.

Hệ Nhứt chánh gồm có 9 phòng, tổng cộng về nam được
380 người.

Sau đây là bản kê tên các phòng, thể thứ các vị Hoàng-
tử và chỗ nhà thờ tọa lạc :

Thứ-thứ các vị Hoàng Tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA-LẠC
1	Tăng-Duệ-Hoàng Thái-Tử	Làng Văn-dương, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên
5	Kiến-An-Vương	Ấp Hồ-là, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
6	Định-Viễn Quận-Vương	Làng Dương-nỗ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
7	Điền-Khánh-Vương	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
8	Điện-Bàng-Công	Làng Thành-phù, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
9	Thiệu-Hóa Quận-Vương	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
11	Thường-Tín Quận-Vương	Làng Xuân-vinh, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.
12	An-Khánh-Vương	Xã Xuân-hòa, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
13	Tử-Sơn-Công	Làng Xuân-hòa, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

HỆ NHÌ CHÁNH

Hệ Nhì Chánh là Hệ của các vị Hoàng Tử con Đức Minh Mạng. (Thánh Tồ Nhơn Hoàng Đế).

Đức Thánh Tồ Nhơn Hoàng Đế sinh năm 1791, mất năm 1840. Ngài có 78 Hoàng nam và 64 Hoàng nữ.

Hoàng nam ; 1 — Đức Hiển Tồ Chương Hoàng Đế, 2 —
Hoàng tử Chánh, 3 — Thọ Xuân Vương, 4 — Ninh Thận Quận
Vương, 5 — Vĩnh Tường Quận Vương, 6 — Phú Bình Quận
Vương, 7 — Nghi Hoà Quận Công, 8 — Phù Mỹ Quận Công,

9 – Hàm Thuận Quận Công, 10 – Tùng Thiện Vương, 11 – Tuy Lý Vương, 12 – Tương An Quận Vương, 13 – Tuân Quốc Công, 14 – Hoàng tử Hữu, 15 – Lạc Hóa Quận Công, 16 – Hà Thanh Quận Công, 17 – Hoàng tử Thành, 18 – Nghĩa quốc Công, 19 – Tảo thương, 20 – Tảo thương, 21 – Hoàng tử Nghi, 22 – Hoàng tử Long, 23 – Triết Mang quận công, 24 – Tảo thương, 25 – Tảo thương, 26 – Sơn Định Quận công, 27 – Tân Bình Quận công, 28 – Hoàng tử Trạch, 29 – Qui Châu quận công, 30 – Quản ninh quận vương, 31 – Sơn tịnh quận công, 32 – Quản Biên quận công, 33 – Lạc Biên quận công, 34 – Hoàng tử Hoan, 35 – Ba Xuyên quận công, 36 – Kiến Tường công, 37 – Hòa Thạnh vương, 38 – Tảo thương, 39 – Tảo thương, 40 – Hò quốc công, 41 – Tuy an quận công, 42 – Hải quốc công, 43 – Hoàng tử Tinh, 44 – Tây ninh quận công, 45 – Trần tịnh quận công, 46 – Tảo thương, 47 – Quảng Trạch quận công, 48 – An quốc công, 49 – Tịnh gia công, 50 – Tảo thương, 51 – Trần Biên quận công, 52 – Điện quốc công, 53 – Tuy Biên quận công, 54 – Quế Sơn quận công, 55 – Phong quốc công, 56 – Trần Định quận công, 57 – Hoài Đức quận vương, 58 – Duy Xuyên quận công, 59 – Cầm giang quận công, 60 – Quản Hóa quận công, 61 – Nam Sách quận công, 62 – Hoàng tử Tru, 63 – Hoàng tử Khê, 64 – Hoàng tử Ngữ, 65 – Triết Quốc công, 66 – Hoàng Hóa quận vương, 67 – Hoàng Tử Tuất, 68 – Tân An quận công, 69 – Bảo An quận công, 70 – Hậu Lộc quận công, 71 – Kiến Hòa quận công, 72 – Kiến Phong quận công, 73 – Vĩnh Lộc quận công, 74 – Phù Cát quận công, 75 – Cầm Xuyên quận vương, 76 – An Xuyên Vương, 77 – Hoàng tử Sách, 78 – An thành vương.

Lăng của Đức Minh Mạng, là Hiếu Lăng, tại làng An bằng, huyện Hương trà tỉnh Thừa Thiên. Lăng của bà Tá Thiên Nhơn Hoàng Hậu gọi là Hiếu Đông Lăng, tại làng Cự chánh, huyện Hương thủy, tỉnh Thừa Thiên.

Ngài và bà đều thờ ở Tả Nhứt Án tại Thể Miếu và Tả Nhứt Án điện Phụng Tiên.

Hệ Nhì Chánh là hệ đồng nhứt, trong các hệ, gồm có 56 phòng và nam được 1.800 người.

Sau đây là bản kê thể thứ các Phòng và chỗ các nhà thờ :

Thể-thứ các vị Hoàng-Tù	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TÙ	CHỖ NHÀ THỜ TOA-LẠC
3	Thọ Xuân-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
4	Ninh-Thuận Quận-Vương	Làng Tiên nòn, tổng Mậu-tài, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
5	Vĩnh-Tường Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
6	Phú-Bình Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
7	Nghi-Hòa Quận-Công	Làng Hương-cần, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
8	Phù-Mỹ Quận-Công	Phường Phú-cát, Huế.
9	Hàm-Thuận Quận-Công	Phường Phú-hội, Huế.
10	Tùng-Thiện-Vương	43b Quai de la Susse, Huế.
11	Tuy-Lý Vương	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
12	Tương-An Quận-Vương	Làng Nguyệt-biều, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
13	Tuân-Quốc-Công	Phường Phú-cát, Huế.
15	Lạc-Hòa Quận-Công	Làng Bình-lộc, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
16	Hà-Thanh Quận-Công	Làng Kim-long, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Thể-thù các vị Hoàng-T Tử	TUỐC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA-LẠC
18	Nghĩa-Quốc-Công	Phường Phú-nhuận, Huế.
23	Trấn-Mang Quận-Công	Làng Phước-quả, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy tỉnh Thừa-thiên.
26	Sơn-Định Quận-Công	Làng An-cựu-tây, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
27	Tân-Bình Quận-Công	Phường Phú-cát, Huế.
29	Qui-Châu Quận-Công	Làng Hà-lang, huyện Quảng-diền, tỉnh Thừa-thiên.
30	Quản-Ninh Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
31	Sơn-Tịnh Quận-Công	Làng An-cựu-tây, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
32	Quản-Biên Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
33	Lạc-Biên Quận-Công	Phường Phú-cát, Huế.
35	Ba-Xuyên Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
36	Kiến-Tường-Công	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
37	Hòa-Thạnh-Vương	Phường Phú-mỹ, Huế.
40	Hòa-Quốc-Công	Phường Long-thọ, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
41	Tuy-An Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
42	Hải-Quốc-Công	Chánh-tây-môn ngoại, Huế.
44	Tây-Ninh Quận-Công	Làng Bình-an, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên
45	Trấn-Tịnh Quận-Công	Phường Phú-phơn, Huế.
47	Quản-Trạch Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
48	An-Quốc-Công	Cạnh ga Kim-long, Huế
49	Tịnh-Gia-Công	Làng Kim-long, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
51	Trấn-Biên Quận-Công	Làng Giả-lê-thượng, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên,

Thể-thứ các vị Hoàng-Tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TOA-LẠC
52	Điện-Quốc-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
53	Tuy-Biên Quận-Công	Làng Nam-phồ-nam, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
54	Quế-Sơn Quận Công	Làng An-ninh-thượng, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
55	Phong-Quốc-Công	Làng Vĩ-dạ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
56	Trần-Dịnh Quận-Công	Làng Bình-môn, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.
57	Hoài-Đức Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
58	Duy-Xuyên Quận-Công	Làng Bình-môn, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.
59	Cầm-Giang Quận-Công	Phường Phú-mỹ Huế.
60	Quản-Hóa Quận-Công	Làng Phò-trạch, huyện Phong-diền, tỉnh Thừa-thiên.
61	Nam-Sách Quận-Công	Làng Trường-cười, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
65	Trần-Quốc-Công	Phường Phú-hội, Huế.
66	Hoằng-Hóa Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
68	Tân-An Quận-Công	Làng Nam-phồ-nam, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
69	Bảo-An Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
70	Hậu-Lộc Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
71	Kiến-Hòa Quận-công	Làng An-cửu-tây, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
72	Kiến-Phong Quận-Công	Phường Phú-mỹ, Huế.
73	Vĩnh-Lộc Quận-Công	Làng An-quán, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
74	Phù-Cát Quận-Công	Làng Nam-phồ-nam, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên.
75	Cầm-Xuyên Quận-Vương	Làng Vạn-xuân, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
76	An-Xuyên-Vương	Phường Phú-mỹ, Huế.
78	An-Thành-Vương	Phường Phú-cát, Huế.

Hệ ba chánh

Các vị Hoàng-tử con đức Thiệu-Trị (Hiển-Tô-Chương Hoàng-Đế) họp lại thành Hệ Ba chánh. Đức Thiệu-Trị sanh năm 1807, mất năm 1847, sanh-hạ được 29 Hoàng-tử, và 35 Hoàng-nữ.

Hoàng-Tử : 1.— An-Phong quận-vương, 2.— Đức Dực-Tôn-Anh Hoàng-Đế, 3.— Thái-Thạnh quận-vương, 4.— Thoại-thái-vương, 5.— Hoàng-tử Kiêm, 6.— Hoàng-Trị-vương, 7.— Vinh-quốc-công, 8.— Gia-Hưng-vương, 9.— Phong-lộc quận-vương, 10.— An-Phước quận-vương, 11.— Hoàng-tử Thiệu, 12.— Tuy-Hòa quận-vương, 13.— Hoàng-tử Bàng, 14.— Hoàng-tử Sâm, 15.— Hoàng-tử Trú, 16.— Hương-Sơn quận-công, 17.— Hoàng-tử Thủ, 18.— Mỹ-Lộc quận-công, 19.— Tảo-Thương, 20.— Hoàng-tử Hy, 21.— Hoàng-tử Cơ, 22.— Hoàng-tử Trụ, 23.— Kỳ-phong quận-công, 24.— Tảo-thương, 25.— Phú-lương công, 26.— Thuần-Nghị-Kiên-thái-vương, 27.— Tảo-Thương, 28.— Hoàng-tử Nghê, 29.— Văn-Lăng quận-vương (Hiệp-Hòa Phế-Đế).

Lăng đức Thiệu-Trị (Xương-Lăng) táng tại núi Thuận-Đạo, huyện-Hương-Thủy, tỉnh Thừa-thiên. Lăng của bà Nghi-Thiên-Chương Hoàng-Hậu (Xương-thọ lăng) ở tại làng Cư-Chánh, huyện Hương-thủy. Đức Thiệu-trị và bà Nguyên-Phối đều thờ tại Thế-Miếu, Hữu Nhứt án và tại Hữu Nhứt án điện Phụng-Tiên.

Hệ Ba Chánh, kê về nam nhân số 280 người mà gồm có **15 Phòng** cả thảy.

Thứ-thứ các vị Hoàng-T Tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA-LẠC
1	An-Phong Quận-Vương	Làng Thành-thủy, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
3	Thái-Thạnh Quận-Vương	Làng An-cựu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
4	Thoại-Thái-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
6	Hoàng-Trị-Vương	Phường Phú-cát, Huế.

Thế-thứ các vị Hoàng-Tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA-LẠC
7	Vĩnh-Quốc-Công	Làng An-cựu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.
8	Gia-Hưng-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
9	Phong-Lộc Quận-Công	Làng Phò-ninh, huyện Phong-diền, tỉnh Thừa-thiên.
10	An-Phước Quận-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
12	Tuy-Hòa Quận-Vương	Phường Phú-hội, Huế.
16	Hương-Sơn Quận Công	Phường Phú-cát, Huế.
18	Mỹ-Lộc Quận-Công	Phường Huệ-an, Kinh-thành-nội.
23	Kỳ-Phong Quận-Công	Phường Phú-cát, Huế.
25	Phú-Lương-Công	Làng Xuân-hòa, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.
26	Kiên-Thái-Vương	Phường Phú-nhuận, Huế.
29	Văn-Lăng Quận-Vương	Làng Dương-xuân, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên.

Hệ tứ chánh

Hệ Tứ chánh là Hệ của các vị Hoàng-tử' con nuôi đúo Đức-Tôn-Anh Hoàng-Đế (Tự-Đức).

Đức Đức-Tôn-Anh Hoàng-Đế sanh năm 1829, mất năm 1883, vì không con nên phải nuôi ba người cháu : Đức Cung-Tôn-Huệ Hoàng-Đế (Đức-Đức) con ngài Thoại-thái-vương đức Cảnh-Tôn-Thuần Hoàng-Đế (Đồng-Khánh và đức Giản-tôn-Nghị Hoàng-Đế (Kiến-Phước) đều con của ngài Kiên-Thái-vương.

Khiêm-lăng (làng của đức Tự-Đức) ở tại làng Dương-Xuân-thượng, huyện Hương-thủy, Lăng của bà Lê-Thiên-Anh Hoàng-Hậu gọi là Khiêm-thọ-lăng cũng ở vùng ấy.

Ngài và bà đều thờ tại án Tả nhì Thế-Miếu và án Tả nhì điện Phụng-tiên.

Trong ba ngài con nuôi của đức Dực-Tòn-Anh Hoàng-Đế ngài Giản-Tòn mở ra Hệ Ngũ Chánh, ngài Cảnh-Tòn mở ra Hệ Lục Chánh, nên hệ Tứ Chánh chỉ còn đức Cung-Tòn-Huệ Hoàng-Đế mà thôi. Đức Cung-Tòn-Huệ Hoàng-Đế sanh năm 1852, mất năm 1884. Ngài có 11 Hoàng-tử và 8 Công-chúa.

Hoàng-tử : 1. — Hoàng-tử' Cương, 2. — Hoàng-tử' Thị, 3. — Hoàng-tử' Mỹ, 4. — Hoàng-tử' Nga, 5. — Hoàng-tử' Nghi, 6. — Hoàng-tử' Côn, 7. — Hoài-Trạch-công, (Thành-thái), 8. — Hoàng-tử' Chuân, 9. — Tuyên-hóa-vương, 10. — Hoài-ân-vương, 11. — Mỹ-hóa-công.

Trong 8 vị Công-chúa hiện hai ngài đang còn là ngài Hoàng-trưởng-nữ' Mỹ-lương Công-chúa và ngài Tân-phong Công-chúa.

Ngài và Bà táng tại lăng An-lăng ở làng An-cựu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên và thờ tại Cung-Miếu ở Kinh-thành-nội.

Hệ Tứ Chánh có 4 phòng, nhân số nam được 60 người.

Thế-thứ các vị Hoàng-T Tử	TƯỚC CỦA CÁC VỊ HOÀNG-TỬ	CHỖ NHÀ THỜ TỌA-LẠC
7	Hoài-Trạch-Công	Chưa có vì ngài còn sống.
9	Tuyên-Hóa-Vương	Phường Phú hòa, Huế.
10	Hoài-Ân-Vương	Phường Phú-cát, Huế.
11	Mỹ-Hóa-Công	Phường Phú-nhuận, Huế.

Hệ ngũ chánh

Đức Giản-Tòn-Nghi Hoàng-Đế vô-tự nên Hệ-Ngũ chánh không có.

Đức Giản-Tòn sanh năm 1869, mất năm 1884, táng ở Bồi-Lăng gần Khiêm-Lăng. Ngài thờ ở Thế-Miếu Án Hữu nhì và ở án Hữu nhì điện Phụng-tiên.

Hệ lục chánh

Hệ Lục Chánh là Hệ của các vị Hoàng-tử' con đức Cảnh-Hòn-Thuần Hoàng-Đế (Đồng-Khánh).

Đức Đồng-Khánh sinh năm 1864, mất năm 1888, có sáu Hoàng-nam và sáu Hoàng-nữ.

Các Hoàng-nam: 1.— Đức Hoàng-Tôn-Tuyên Hoàng-Đế (Khải-Định), 2.— An-Hoa quận-vương, 3.— Tảo-thương, 4.— Hoàng-Tử-Nga, 5.— Hoàng-tử Cát, 6.— Hoàng-tử Quyền.

Vua Đồng-Khánh táng ở Tư-Lăng, tại làng Dương-Xuân-thượng, huyện Hương-thủy tỉnh Thừa-thiên. Bà Phụ-Thiên-Thuần Hoàng-Hậu (tức Đức Thánh-Cung) táng ở Tư-minh-Lăng cùng ở trong vùng ấy.

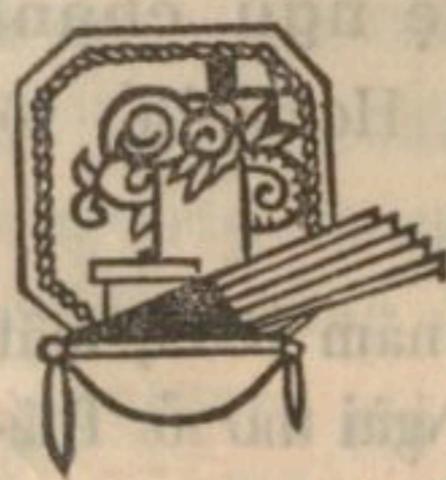
Ngài Khôn-Nghi-Xương Đức Thái-Hoàng-Thái-Hậu (tức là đức Tiên-Cung) hiện ở tại Đại-Nội.

Đức Đồng-Khánh và bà Phụ-Thiên-Thuần-Hoàng-Hậu đều thờ tại Án-Tả tam tại Thế-Miếu, và án Tả tam điện Phụng-Tiên.

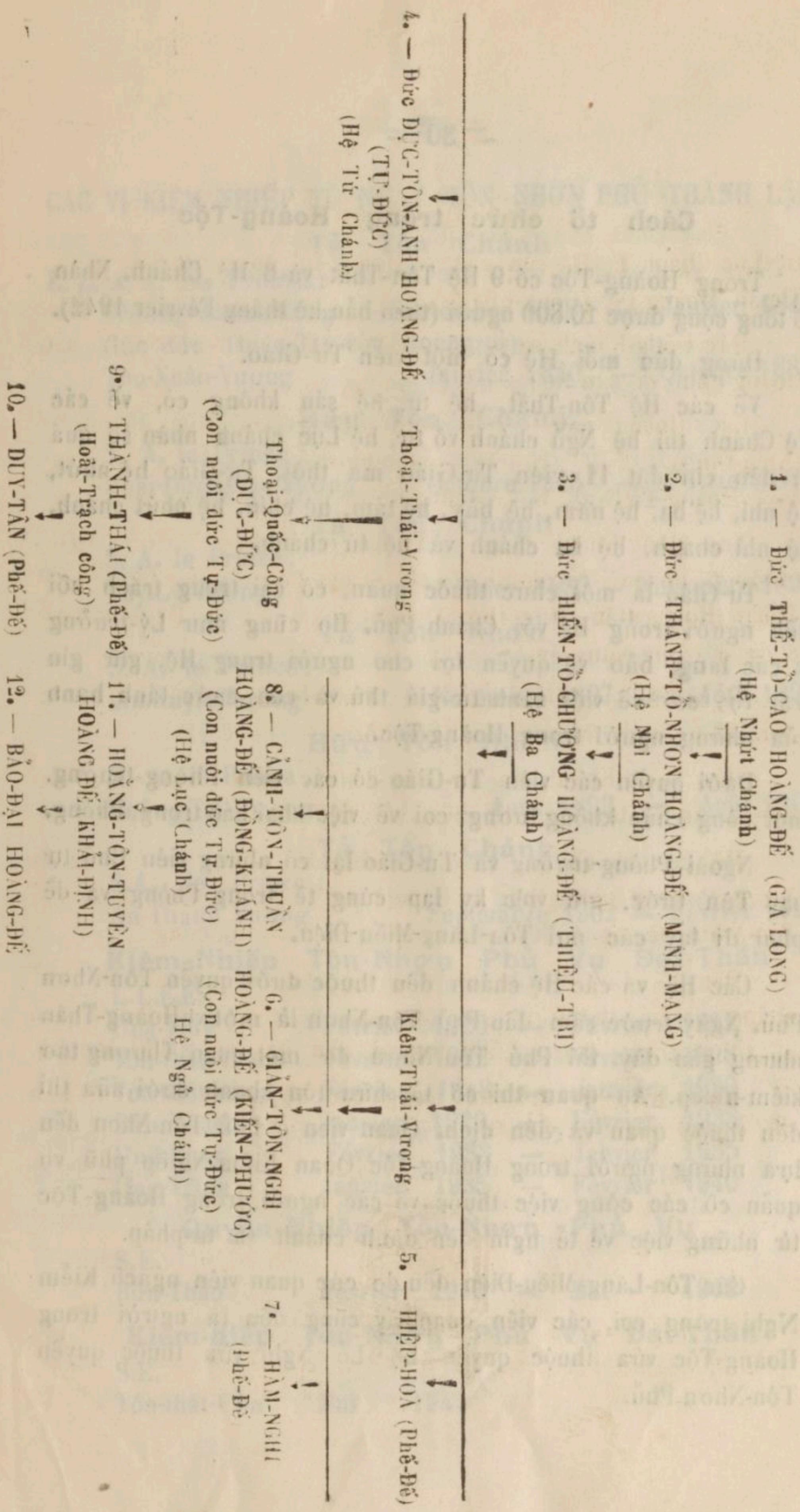
Hệ Lục chánh chỉ có một phòng là phòng An-hóa-Quận-Vương, trong phòng chỉ có quan Vĩnh-Thùy, Tả-tôn-khanh phủ Tôn-Nhơn và người con trai tập trước Hương-công.

Đến hệ Lục chánh thì vừa hết các Hệ chánh. Hệ Ngũ chánh vô lỵ, thành thủ chỉ còn năm hệ chánh mà thôi. Nhân số tổng cộng được 2.522 người đàn ông và 2.400 đàn bà.

Muốn biết về thế thứ trong các hệ chánh chỉ xem bản đẽ ở sau này tài đủ ro.



THÈ THÚ ĐỒ BIỂU



Cách tổ chức trong Hoàng-Tộc

Trong Hoàng-Tộc có 9 Hệ Tôn-Thất và 6 Hệ Chánh, Nhân số tổng cộng được 10.800 người (theo bản kê tháng Février 1942).

Đứng đầu mỗi Hệ có một viên Tư-Giáo.

Về các Hệ Tôn-Thất, hệ tư, hệ sáu không có, về các Hệ Chánh thì hệ Ngũ chánh vô tư, hệ Lục chánh nhân số quá ít, nên chỉ đặt 11 viên Tư-Giáo mà thôi. Tư-Giáo hệ nhứt, hệ nhì, hệ ba, hệ năm, hệ bảy, hệ tám, hệ chín, hệ nhứt chánh, hệ nhì chánh, hệ ba chánh và hệ tư chánh.

Tư-Giáo là một chức thuộc quan, có cái trọng trách nối liền người trong Hệ với Chánh-Phủ. Họ cũng như Lý-trưởng ở các làng, bảo vệ quyền lợi cho người trong Hệ, giữ gìn trật tự, coi về việc sanh tử giá thú và cẩn cước tánh hạnh của những người trong Hoàng-Tộc.

Dưới quyền các viên Tư-Giáo có các viên Phòng-trưởng, một công chức không lương, coi về việc khai báo trong Phòng.

Ngoài Phòng-trưởng và Tư-Giáo lại có những viên Chủ tự hay Tôn-tước, giữ việc kỵ lạp cung tế trong Phòng và dề phái đi lạy các nơi Tòa-Lăng-Miếu-Điện.

Các Hệ và các Hệ chánh đều thuộc dưới quyền Tôn-Nhon Phủ. Ngày trước cầm đầu Phủ Tôn-Nhon là một vị Hoàng-Thân nhưng gần đây thì Phủ Tôn-Nhon do một quan Thượng tho kiêm-nhiếp. Án quan thì có tả, hữu tôn khanh dưới nữa thì đến thuộc quan và viên dịch. Quan viên ở Phủ Tôn-Nhon đều lựa những người trong Hoàng-Tộc Quan Kiêm-Nhiếp phù vụ quản cỗ các công việc thuộc về các người trong Hoàng-Tộc từ những việc về lễ nghi đến hành chánh và tu-pháp.

Các Tôn-Lăng-Miếu-Điện đều do các quan viên ngạch Kiêm Nghi trọng coi, các viên quan ấy cũng đều là người trong Hoàng-Tộc vừa thuộc quyền bộ Lễ Nghi vừa thuộc quyền Tôn-Nhon-Phủ.

CÁC VỊ KIÊM NHIẾP TỪ NGÀY TÔN NHƠN PHỦ THÀNH LẬP
bộngh lâm 62 irob iobi 6200 6200 6200 6200 6200
Tả Tôn Chánh

L. L. A. A. les Princes :

Trường-Khánh-Công Septembre 1836 — Janvier 1840
(lúc đức Thiệu-Trị còn Hoàng-tử)
Thọ-Xuân-Vương Janvier 1840 — Octobre 1885

Hữu Tôn Chánh

S. A. le Prince :

Hoài-Đức-Quận-Vương Octobre 1885 — Février 1889

Tả Tôn Chánh

S. A. le Prince :

Tuy-Lý-Vương Février 1889 — Novembre 1897

Tả Tôn Nhơn

S. A. le Prince :

An-Xuyên-Vương Novembre 1897 — Août 1899

Hữu Tôn Nhơn

S. A. le Prince :

Hoàng-Trị-Vương Août 1899 — Août 1902

Tả Tôn Chánh

S.A. le Prince :

An-Thanh Vương Septembre 1902 — Février 1920

Kiêm-Nhiếp Tôn-Nhơn Phủ Vụ Đại-Thần

L.L.E.E.

Ung-Huy Février 1920 — Février 1922

Tôn-thất-Trạm Février 1922 — Février 1928

Tôn-thất-Đảng Février 1928 — Janvier 1929

Bưu Thạch Janvier 1929 — Février 1933

Ung-Bàng Février 1933 — Janvier 1935

Ung-Trinh Janvier 1935 — Février 1940

Quyền-Nhiếp Tôn-Nhơn Phủ Vụ

S.E.

Bưu-Thảo Février 1940 — Mai 1942

Kiêm-hiếp Tôn-Nhơn Phủ Vụ Đại-Thần

S.E.

Tôn-thất-Cồn Mai 1942

THẾ THỦ ẤM-TẬP TRONG HOÀNG TỘC

Con cháu các ngài Hoàng tử, mỗi đời có một người được ấm-tập theo các tước dưới này :

Các ngài Thân-Vương và Quận-Vương :

Con tập tước Quận-Công 2-1M

Cháu tập tước Hương-Công 3-1M

Thế thứ ba tập tước Kỳ-ngoại-hầu 4-1M

Thế thứ tư tập tước Tá-quốc-Khanh 5-1M

Thế thứ năm tập tước Phụng-quốc úy 6-1M

Các ngài Thân-Công :

Con tập tước Huyện-công 2-2M

Cháu tập tước Huyện-hầu 3-2M

Thế thứ ba tập tước Trợ-quốc-khanh 4-2M

Thế thứ tư tập tước Trợ-quốc úy 5-2M

Thế thứ năm tập tước Phụng-quốc-lang 6-2M

Các ngài Quốc-công :

Con tập tước Hương-hầu 3-2M

Cháu tập tước Trợ-quốc-khanh 4-2M

Thế thứ ba tập tước Tá-quốc-úy 5-2M

Thế thứ tư tập tước Tá-quốc-lang 6-2M

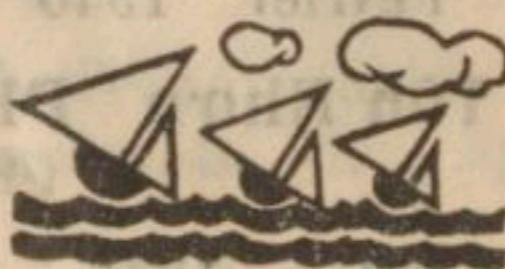
Các ngài Quận-Công :

Con tập tước Kỳ-ngoại-hầu 4-1M

Cháu tập tước Tá-quốc-khanh 5-1M

Thế thứ ba tập tước Tá-quốc-lang 6-1M

Thế là con cháu các ngài Thân-vương, Quận-vương và Thân-công được năm đời ấm-tập, con cháu các ngài Quốc-công được bốn đời, còn con cháu các ngài Quận-công chỉ có ba đời ấm-tập.



MỤC LỤC

	TRANG
Nguyên quán	3
Cách lựa tên của các vị Chúa và các vị Vua.	3
Cách đặt chữ lót trong các hệ chánh	4
HỆ VÀ PHÒNG	
Các Hệ Tôn Thất:	
Hệ Nhứt.	11
Hệ Nhì	11
(Họ Nguyễn-Thuận và Nguyễn-Hựu)	
Hệ Ba	12
(Họ Nguyễn-Hữu và Nguyễn-Cửu)	
Hệ Tư	13
Hệ Năm.	14
Hệ Sáu	15
Hệ Bảy	15
Hệ Tám	17
Hệ Chín.	17
Các Hệ Chánh:	
Hệ Nhứt Chánh	19
Hệ Nhì Chánh	20
Hệ Ba Chánh	25
Hệ Tư Chánh	26
Hệ Ngũ Chánh	27
Hệ Lục Chánh	28
Thể Thứ Đồ Biểu	29
Cách tổ chức trong Hoàng tộc	30
Các vị kiêm-nhiếp từ ngày Tôn-Nhơn-Phủ thành lập.	31
Thể thứ ấm tập trong Hoàng tộc	32

MỤC LỤC

THI SỰ - SỰ VĂN - SỰ HỌA

1	Còn chưa rõ ràng về đời sống của
2	những con người
3	nhưng rõ ràng về
4	những con người
5	Những con
6	Có
7	nhưng rõ ràng
8	nhưng rõ ràng
9	Có
10	nhưng rõ ràng
11	Có
12	nhưng rõ ràng
13	Có
14	nhưng rõ ràng
15	Có
16	nhưng rõ ràng
17	Có
18	nhưng rõ ràng
19	Có
20	nhưng rõ ràng
21	Có
22	nhưng rõ ràng
23	Có
24	nhưng rõ ràng
25	Có
26	nhưng rõ ràng
27	Có
28	nhưng rõ ràng
29	Có
30	nhưng rõ ràng
31	Có
32	nhưng rõ ràng
33	Có
34	nhưng rõ ràng
35	Có
36	nhưng rõ ràng
37	Có
38	nhưng rõ ràng
39	Có
40	nhưng rõ ràng
41	Có
42	nhưng rõ ràng
43	Có
44	nhưng rõ ràng
45	Có
46	nhưng rõ ràng
47	Có
48	nhưng rõ ràng
49	Có
50	nhưng rõ ràng
51	Có
52	nhưng rõ ràng
53	Có
54	nhưng rõ ràng
55	Có
56	nhưng rõ ràng
57	Có
58	nhưng rõ ràng
59	Có
60	nhưng rõ ràng
61	Có
62	nhưng rõ ràng
63	Có
64	nhưng rõ ràng
65	Có
66	nhưng rõ ràng
67	Có
68	nhưng rõ ràng
69	Có
70	nhưng rõ ràng
71	Có
72	nhưng rõ ràng
73	Có
74	nhưng rõ ràng
75	Có
76	nhưng rõ ràng
77	Có
78	nhưng rõ ràng
79	Có
80	nhưng rõ ràng
81	Có
82	nhưng rõ ràng
83	Có
84	nhưng rõ ràng
85	Có
86	nhưng rõ ràng
87	Có
88	nhưng rõ ràng
89	Có
90	nhưng rõ ràng
91	Có
92	nhưng rõ ràng
93	Có
94	nhưng rõ ràng
95	Có
96	nhưng rõ ràng
97	Có
98	nhưng rõ ràng
99	Có
100	nhưng rõ ràng

CÁC HỆ TỐC

CÁC HỆ TỐC

1	Hệ
2	Hệ
3	Hệ
4	Hệ
5	Hệ
6	Hệ
7	Hệ
8	Hệ
9	Hệ
10	Hệ
11	Hệ
12	Hệ
13	Hệ
14	Hệ
15	Hệ
16	Hệ
17	Hệ
18	Hệ
19	Hệ
20	Hệ
21	Hệ
22	Hệ
23	Hệ
24	Hệ
25	Hệ
26	Hệ
27	Hệ
28	Hệ
29	Hệ
30	Hệ
31	Hệ
32	Hệ
33	Hệ
34	Hệ
35	Hệ
36	Hệ
37	Hệ
38	Hệ
39	Hệ
40	Hệ
41	Hệ
42	Hệ
43	Hệ
44	Hệ
45	Hệ
46	Hệ
47	Hệ
48	Hệ
49	Hệ
50	Hệ
51	Hệ
52	Hệ
53	Hệ
54	Hệ
55	Hệ
56	Hệ
57	Hệ
58	Hệ
59	Hệ
60	Hệ
61	Hệ
62	Hệ
63	Hệ
64	Hệ
65	Hệ
66	Hệ
67	Hệ
68	Hệ
69	Hệ
70	Hệ
71	Hệ
72	Hệ
73	Hệ
74	Hệ
75	Hệ
76	Hệ
77	Hệ
78	Hệ
79	Hệ
80	Hệ
81	Hệ
82	Hệ
83	Hệ
84	Hệ
85	Hệ
86	Hệ
87	Hệ
88	Hệ
89	Hệ
90	Hệ
91	Hệ
92	Hệ
93	Hệ
94	Hệ
95	Hệ
96	Hệ
97	Hệ
98	Hệ
99	Hệ
100	Hệ

CÁC HỆ CẤU

CÁC HỆ CẤU

1	Tập
2	Tập
3	Tập
4	Tập
5	Tập
6	Tập
7	Tập
8	Tập
9	Tập
10	Tập
11	Tập
12	Tập
13	Tập
14	Tập
15	Tập
16	Tập
17	Tập
18	Tập
19	Tập
20	Tập
21	Tập
22	Tập
23	Tập
24	Tập
25	Tập
26	Tập
27	Tập
28	Tập
29	Tập
30	Tập
31	Tập
32	Tập
33	Tập
34	Tập
35	Tập
36	Tập
37	Tập
38	Tập
39	Tập
40	Tập
41	Tập
42	Tập
43	Tập
44	Tập
45	Tập
46	Tập
47	Tập
48	Tập
49	Tập
50	Tập
51	Tập
52	Tập
53	Tập
54	Tập
55	Tập
56	Tập
57	Tập
58	Tập
59	Tập
60	Tập
61	Tập
62	Tập
63	Tập
64	Tập
65	Tập
66	Tập
67	Tập
68	Tập
69	Tập
70	Tập
71	Tập
72	Tập
73	Tập
74	Tập
75	Tập
76	Tập
77	Tập
78	Tập
79	Tập
80	Tập
81	Tập
82	Tập
83	Tập
84	Tập
85	Tập
86	Tập
87	Tập
88	Tập
89	Tập
90	Tập
91	Tập
92	Tập
93	Tập
94	Tập
95	Tập
96	Tập
97	Tập
98	Tập
99	Tập
100	Tập

... un joli peu de temps

Z. L. A.

1931 — première édition
de 100 exemplaires. 1932
— 1000 exemplaires. 1933
— 1000 exemplaires. 1934
— 1000 exemplaires. 1935

Sách này in tại nhà in

A. J. S.

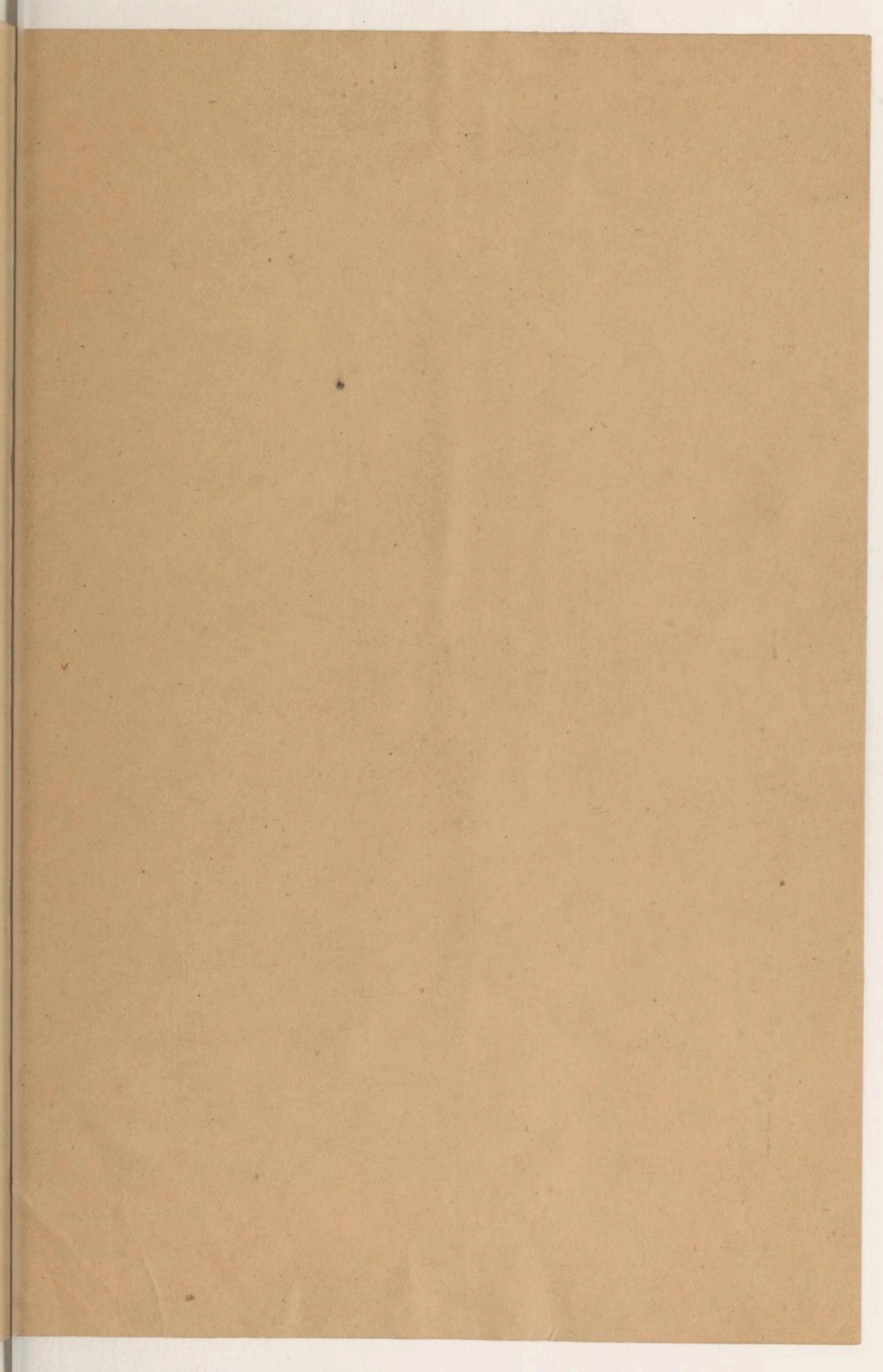
28 Rue Gia-Long — HUẾ

300 quyển trong ấy có

30 quyển đặc biệt bìa

vàng, 30 quyển thượng

hạng và 240 quyển thường.



Pour dépôt légal
mercredi 12 - Avril 1943

